#### TRƯỜNG THCS THỤY VÂN

### ĐỀ THAM KHẢO

## KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2024 - 2025

Môn: TIẾNG ANH

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề) (Đề tham khảo có 03 trang)

# Câu I. Chọn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại. (0.8 điểm)

<b>tư con iại.</b> (0,6 aiem)	)		
<b>1. A.</b> watch <u>es</u>	B. miss <u>es</u>	C. mak <u>es</u>	D. wish <u>es</u>
<b>2. A.</b> clos <u>ed</u>	B. look <u>ed</u>	C. rain <u>ed</u>	<b>D.</b> follow <u>ed</u>
<b>3. A.</b> ch <u>a</u> mpion	<b>B.</b> <u>a</u> gent	C. ch <u>a</u> nge	<b>D.</b> bl <u>a</u> me
<b>4. A.</b> vir <u>t</u> ual	B. cul <u>t</u> ural	C. sculp <u>t</u> ure	<b>D.</b> fes <u>t</u> ival
Câu II. Chọn một phương	án A, B, C hoặc D ứng v	ới từ hoặc cụm từ thích họ	ợp để hoàn thành các câu
<b>sau.</b> (3,2 điểm)			
<b>1.</b> There are a lot of people	here,?		
A. aren't there	<b>B.</b> are there	C. are they	<b>D.</b> aren't they
2. In winter, many Swedes t	travel to a country th	ere's a lot of sunshine.	
<b>A.</b> whom	B. when	C. which	<b>D.</b> where
<b>3.</b> Tim wasn't happy about	the delay, and		
<b>A.</b> I was, neither	B. either was I	C. I wasn't, either	D. neither wasn't I
<b>4.</b> Allmust complete	a visa from upon arrival at	Singapore airport.	
A. passengers	B. departures	C. tourists	D. customers
<b>5.</b> It is a rule, so everyone _	strickly follow it.		
<b>A.</b> doesn't have to	<b>B.</b> has to	C. shouldn't	D. should
<b>6.</b> I was talking to my	y teacher, my friends were	waiting outside the classro	om.
A. so that	<b>B.</b> in order that	C. Although	<b>D.</b> while
7. Thomas has a garden whi	ich is mine.		
A. larger	<b>B.</b> the largest	C. as large as	<b>D.</b> more large than
8. They receivedadv	vice from their parents that	they became successful.	
A. so good	B. such good	C. too good	D. enough good
<b>9.</b> It that a universit	y education will lead to a v	well – paid job.	
<b>A.</b> is believed	<b>B.</b> to be believed	C. was believed	D. being believed
<b>10.</b> Mrs. Hoa has	hair.		
A. straight long black	B. long black straight	C. long straight black	<ul><li>D. straight black long</li></ul>
<b>11.</b> It's a great idea If we	a bicycle trip to the	e countryside	
<b>A.</b> go	<b>B.</b> take	C. ride	D. get
<b>12.</b> Young people like to we	ear jeans because they don	't easily	
A. wear in	B. wear up	C. wear down	D. wear out
Chọn một phương án A, B,	, C hoặc D ứng với từ gần	nghĩa với từ được gạch cl	hân.
<b>13.</b> I only have time to tell y	you the <u>main idea</u> of it, no	t the details.	
A. story	<b>B.</b> gist	C. list	D. start
<b>14.</b> We had a <u>discussion</u> in	class today about requiring	g students to wear, school u	niforms.
A. ban	B. arrangement	C. reduction	<b>D.</b> debate
Chọn một phương án A, B, (	C hoặc D ứng với câu đáp l	lại phù hợp trong các tình h	uống giao tiếp sau.
<b>15. Anne:</b> "Thanks a lot for	the lovely dinner"		
Charlie: "	· ''		
A. Please don't say so.	B. It's all right.	C. Thank you too.	D. You're welcome.

<b>16. Linda:</b> "Don't fail to see <b>Susan:</b> ""	nd your parents my regards	3."	
<b>A.</b> You're welcome.	<b>B.</b> Thanks, I will.	<b>C.</b> Good ideas, thanks	<b>D.</b> It's my pleasure.
Câu III. Tìm một lỗi sai tro	ng bốn phần gạch chân A	, B, C hoặc D trong các cẩ	ìu sau đây. (0,8 điểm)
<b>1.</b> The room <u>was tidied</u> by n	ny sister <u>when</u> the lights <u>su</u>	<u>ddenly</u> went <u>off</u> .	
A. suddenly	B. off	C. was tidied	<b>D.</b> when
2. Mr Green has taught so	o many students that <u>he</u> car	n't remember <u>all</u> of <u>theirs</u> n	ames.
A. he	<b>B.</b> theirs	<b>C.</b> so	D. all
3. A young don't have much	n free time to enjoy <u>their</u> ch	ildhoods <u>nowadays</u> .	
A. their	<b>B.</b> a	C. nowadays	D. much
<b>4.</b> Mrs. Brown got used to <u>u</u>	<u>se</u> chopsticks during meals	after <u>living</u> in Vietnam for	a month.
A. living	B. got used	<b>C.</b> a	<b>D.</b> use
Câu IV. Viết dạng đúng củo	a các động từ trong ngoặc	để hoàn thành các câu sa	<b>u.</b> (0,8 điểm)
1. Mary(walk)	along Rose bank, when	a man approached her.	
<b>2.</b> Ryan bought a new MP3	player yesterday but I	( <b>not seen)</b> it <u>y</u>	yet.
<b>3.</b> You should consider	( <b>take)</b> up Frencl	n next week.	
<b>4.</b> After driving for 3 hours	we stopped(§	get) a drink.	
Câu V. Viết dạng đúng của	từ trong ngoặc để hoàn th	<b>hành các câu sau.</b> (0,8 điểi	n)
<b>1.</b> We've decided to intervio	ew the best six	_ for the job	(apply)
<b>2.</b> Many rural areas in Viet	Nam have been	in the last few years.	(urban)
<b>3.</b> Our city has some fashion	nable shops, but they are n	ot very	(afford)
<b>4.</b> , the new wife	was very cruel to Little Pea	l	(fortunate)
Câu VI. Chọn một phương	án A, B, C hoặc D ứng	với từ thích hợp để điền v	vào chỗ trống trong đoạn
<b>văn sau.</b> (0,8 điểm)			
	Comp	uting	
Computing is now a	at the same stage as print	ing was when the first pr	inting presses were used.
Before printing presses wer	e invented, only rich peop	ole like Kings and dukes c	ould afford to buy books.
Oftens these people were (1			
big that it was difficult for	anyone to relax with a boo	ok as we do today. They w	anted books (2) they
were expensive and there w	as something magical abou	it them. Only a few people	were able to write, and it
(3) an extremely lon	g time to write a book. N	Monks and other people (	<b>4)</b> could write said
ordinary people could never	learn to read.		
<b>1. A.</b> able	B. unable	C. ability	<b>D.</b> ably
2. A. because	B. although	C. despite	<b>D.</b> because of
3. A. wanted	B. had	C. got	D. took
<b>4. A.</b> whose	B. whom	C. who	D. which
Câu VII. Đọc đoạn văn sa	u và chọn phương án A, I	B, C hoặc D ứng với câu	trả lời đúng cho các câu
<b>hỏi.</b> (0,8 điểm)			-
	orives from the Innance of	voression for "high wave i	n a harbour" are giant coa

Tsunamis, whose name derives from the Japanese expression for "high wave in a harbour", are giant sea waves. These waves are quite different from storm surges. They are also referred to by the general public as tidal waves although they have nothing to do with tides. Scientists often refer to **them** as seismic sea waves, which is far more appropriate because they are often the result of undersea seismic activity.

Tsunamis can be caused when the sea floor suddenly moves, during an underwater earthquake or volcano, and the water above the moving earth is suddenly displaced. This sudden shift of water sets off a series of waves. These waves can travel great distances, at speeds close to 700 kilometres per hour. In the open ocean, tsunami waves are not very high, often no more than one or two metres. It is when they hit the

<b>Silanow</b> waters frear tire of	coast that they increase in he	eigni, possibly up to 40 mi	aues.
<b>1.</b> The passage mainly of	liscusses		
A. Tidal waves.	B. Tides.	C. Tsunamis	<b>D.</b> Storm surges.
<b>2.</b> The word " <b>them"</b> in the state of the s	he passage refers to?		
A. Tidal waves.	B. Tsunamis	C. Storm surges.	D. Sea waves.
3. What can be understoo	od from the passage that tsu	nami?	
<b>A.</b> Cause severe dam	nage in the middle of the oce	ean.	
B. Generally reach h	eights greater than 40 metre	2S.	
C. Are far more dang	gerous on the coast than in t	he open ocean.	
<b>D.</b> Are often identifie	ed by ships on the ocean.		
<b>4.</b> The word <b>'shallow'</b> in	the passage mostly means	·	
A. Not clear	B. Tidal	C. Coastal	D. Not deep
Câu VIII. Đọc đoạn văn	sau và trả lời các câu hỏi.	(0,8 điểm)	-
Earth is the third	closest planet to the Sun in	n the Solar system. It's th	e only planet whose English
names, the world or the	Earth, don't come from R	oman or Greek mytholog	y but from Old English and
Germanic. It is also reffe	ered to as the Blue Planet, o	or the Blue Marble becaus	e it's the only planet that has
			urface is covered with water,
-	-	-	pable of hosting any known
		• •	global population of humans.
		<del>-</del>	ientists are looking for other
= =	=	<del>-</del>	ns could trace water on Mars
			at would greatly increase the
	able to live on it in the futur		<i>5</i>
	sest planet to the Moon or t		
<b>2.</b> What are the other nar	nes for Earth?		
	et that has been known to ho		
	ther planets to accommodate		
	u thứ hai sao cho nghĩa kho	ông thay đối so với câu đồ	<b>i cho.</b> (1,2 điểm)
<b>1.</b> Nobody saw her book			
	our new classmate?", Linda		
=	ng, so I can't become a chef		
=			
•	the bridge two years ago.		
		• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	
<b>5.</b> He is a much slower sp	-		
		• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	
<b>6.</b> Sally could buy that he	ouse because she was rich.		
→ Because of			
	I	HÉT	

## TRƯỜNG THCS THỤY VÂN

#### ĐỀ THAM KHẢO

# KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2024 - 2025

Môn: TIẾNG ANH

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề) (Đề tham khảo có 03 trang)

Câu I. Chọn một phương án A, B	, C hoặc D ứng với từ có	ó phần gạch chân đượ	c phát âm khác với các
<b>từ còn lại.</b> (0,8 điểm)			

	,		
<b>1. A.</b> watch <u>es</u>	B. miss <u>es</u>	C. mak <u>es</u>	D. wish <u>es</u>
<b>2. A.</b> clos <u>ed</u>	B. look <u>ed</u>	C. rain <u>ed</u>	<b>D.</b> follow <u>ed</u>
3. A. ch <u>a</u> mpion	B. <u>a</u> gent	C. ch <u>a</u> nge	<b>D.</b> bl <u><b>a</b></u> me
<b>4. A.</b> vir <u>t</u> ual	B. cul <u>t</u> ural	C. sculp <b>t</b> ure	D. fes <u>t</u> ival
Câu II. Chọn một phương	án A, B, C hoặc D ứng vớ	ới từ hoặc cụm từ thích họ	rp để hoàn thành các câu
<b>sau.</b> (3,2 điểm)			
<b>1.</b> There are a lot of people	here,?		
A. aren't there	<b>B.</b> are there	C. are they	D. aren't they
2. In winter, many Swedes t	travel to a country th	ere's a lot of sunshine.	
<b>A.</b> whom	B. when	C. which	D. where
<b>3.</b> Tim wasn't happy about	the delay, and		
<b>A.</b> I was, neither	B. either was I	C. I wasn't, either	D. neither wasn't I
<b>4.</b> Allmust complete	a visa from upon arrival at	Singapore airport.	
A. passengers	B. departures	C. tourists	D. customers
<b>5.</b> It is a rule, so everyone _	strickly follow it.		
A. doesn't have to	B. has to	C. shouldn't	D. should
<b>6.</b> I was talking to m	y teacher, my friends were	waiting outside the classro	om.
A. so that	<b>B.</b> in order that	C. Although	D. while
7. Thomas has a garden whi	ich is mine.		
A. larger	<b>B.</b> the largest	C. as large as	D. more large than
8. They receivedadv	vice from their parents that	they became successful.	
A. so good	B. such good	C. too good	D. enough good
<b>9.</b> It that a universit	y education will lead to a w	vell – paid job.	
A. is believed	<b>B.</b> to be believed	C. was believed	<b>D.</b> being believed
<b>10.</b> Mrs. Hoa has	hair.		
A. straight long black	B. long black straight	C. long straight black	<ul><li>D. straight black long</li></ul>
<b>11.</b> It's a great idea If we	a bicycle trip to the	countryside	
<b>A.</b> go	B. take	C. ride	D. get
<b>12.</b> Young people like to we	ear jeans because they don'	t easily	
A. wear in	B. wear up	C. wear down	D. wear out
Chọn một phương án A, B,	, C hoặc D ứng với từ gần	nghĩa với từ được gạch ch	ıân.
<b>13.</b> I only have time to tell y	you the <b>main idea</b> of it, not	t the details.	
A. story	B. gist	C. list	D. start
<b>14.</b> We had a <b>discussion</b> in			
A. ban	B. arrangement	C. reduction	D. debate
Chọn một phương án A, B, (	C hoặc D ứng với câu đáp l	ại phù hợp trong các tình h	uống giao tiếp sau.
<b>15. Anne:</b> "Thanks a lot for	the lovely dinner"		
Charlie: "	'' -		

A. Please don't say so.	B. It's all right.	C. Thank you too.	D. You're welcome.
<b>16. Linda:</b> "Don't fail to sen	nd your parents my regards.	,,	
Susan: ""			
A. You're welcome.	B. Thanks, I will.	<b>C.</b> Good ideas, thanks	<b>D.</b> It's my pleasure.
Câu III. Tìm một lỗi sai troi	ng bốn phần gạch chân A,	B, C hoặc D trong các câ	<b>u sau đây.</b> (0,8 điểm)
<b>1.</b> The room <u>was tidied</u> by m	y sister <u>when</u> the lights <u>suc</u>	<u>ldenly</u> went <u>off</u> .	
A. suddenly	<b>B.</b> off	C. was tidied	<b>D.</b> when
2. Mr Green has taught so	many students that <u>he</u> can	't remember <u>all</u> of <u>theirs</u> na	ames.
A. he	B. theirs	C. so	D. all
3. A young don't have much	free time to enjoy their chi	ildhoods <u>nowadays</u> .	
<b>A.</b> their	B. a	C. nowadays	D. much
4. Mrs. Brown got used to us	se chopsticks during meals	after <u>living</u> in Vietnam for	<u>a</u> month.
A. living	B. got used	<b>C.</b> a	D. use
Câu IV. Viết dạng đúng của	ı các động từ trong ngoặc (	để hoàn thành các câu sau	<b>u.</b> (0,8 điểm)
<b>1.</b> Mary(walk)	along Rose bank, when	a man approached her.	
<b>2.</b> Ryan bought a new MP3	player yesterday but I	( <b>not seen)</b> it y	vet.
<b>3.</b> You should consider	( <b>take)</b> up French	next week.	
<b>4.</b> After driving for 3 hours	we stopped(g	<b>et</b> ) a drink.	
Câu V. Viết dạng đúng của	từ trong ngoặc để hoàn th	<b>ành các câu sau.</b> (0,8 điển	n)
<b>1.</b> We've decided to intervie	w the best six_ <mark>applicants</mark> _	_ for the job	(apply)
<b>2.</b> Many rural areas in Viet N	Nam have been_ <mark>urbanized</mark>	_in the last few years.	(urban)
<b>3.</b> Our city has some fashion	nable shops, but they are no	t very <b>_affordable</b>	(afford)
<b>4. Unfortunately_</b> , the new	wife was very cruel to Litt	le Pea	(fortunate)
Câu VI. Chọn một phương	án A, B, C hoặc D ứng v	với từ thích hợp để điền v	ào chỗ trống trong đoạn
<b>văn sau.</b> (0,8 điểm)			
	Compu	ıting	
Computing is now a	at the same stage as printi	_	nting presses were used.
Before printing presses were	• •	•	<b>-</b> -
Oftens these people were (1		_	
big that it was difficult for a		=	-
were expensive and there wa	5	• •	` ,
(3) an extremely long			
ordinary people could never			,——
<b>1. A.</b> able	B. unable	C. ability	<b>D.</b> ably
2. A. because	B. although	C. despite	<b>D.</b> because of
3. A. wanted	B. had	C. got	D. took
<b>4.</b> A. whose	B. whom	C. who	D. which
Câu VII. Đọc đoạn văn sau			
<b>hỏi.</b> (0,8 điểm,	, ,		J

Tsunamis, whose name derives from the Japanese expression for "high wave in a harbour", are giant sea waves. These waves are quite different from storm surges. They are also referred to by the general public as tidal waves although they have nothing to do with tides. Scientists often refer to **them** as seismic sea waves, which is far more appropriate because they are often the result of undersea seismic activity.

Tsunamis can be caused when the sea floor suddenly moves, during an underwater earthquake or volcano, and the water above the moving earth is suddenly displaced. This sudden shift of water sets off a series of waves. These waves can travel great distances, at speeds close to 700 kilometres per hour. In the open

ocean, tsunami waves are not very high, often no more than one or two metres. It is when they hit the **shallow** waters near the coast that they increase in height, possibly up to 40 metres. **1.** The passage mainly discusses\_ **B.** Tides. A. Tidal waves. C. Tsunamis **D.** Storm surges. **2.** The word "them" in the passage refers to? A. Tidal waves. **B.** Tsunamis **C.** Storm surges. D. Sea waves. **3.** What can be understood from the passage that tsunami? **A.** Cause severe damage in the middle of the ocean. **B.** Generally reach heights greater than 40 metres. C. Are far more dangerous on the coast than in the open ocean. **D.** Are often identified by ships on the ocean. **4.** The word **'shallow'** in the passage mostly means \_\_\_\_ A. Not clear B. Tidal C. Coastal D. Not deep Câu VIII. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi. (0,8 điểm) Earth is the third closest planet to the Sun in the Solar system. It's the only planet whose English names, the world or the Earth, don't come from Roman or Greek mythology but from Old English and Germanic. It is also reffered to as the Blue Planet, or the Blue Marble because it's the only planet that has water in liquid from on the surface. In fact, seventy – one percent of Earth's surface is covered with water, which is vital for all known forms of life. Earth is the only planet that is capable of hosting any known form life. It is home to millions of species of plants and animals, including a global population of humans.

Life on Earth is supported and nourished by its biosphere and minerals. Scientists are looking for other planets to accommodate our increasing population. They believe that if humans could trace water on Mars and plant trees, they could increase the amount of oxygen on the planet. That would greatly increase the

**1.** Is Earth the third – closest planet to the Moon or the Sun?

chance of humans being able to live on it in the future.

- → Earth is the third closest planet to the Sun
- 2. What are the other names for Earth?
- → (The other names for Earth are) the world, the Blue Planet, or the Blue Marble.
- **3.** Is Earth the only planet that has been known to host life?
- → Yes./ Yes, it is
- **4.** Who are looking for other planets to accommodate our increasing population?
- → Scientists are looking for other planets to accommodate our increasing population.

Câu IX. Hoàn thành câu thứ hai sao cho nghĩa không thay đổi so với câu đã cho. (1,2 điểm)

- 1. Nobody saw her book at the party last night.
- → Her book was not seen at the party last night.
- 2. "Do you get on with your new classmate?", Linda said to Lucy.
- → Linda asked Lucy If she got on with her new classmate.
- **3.** I'm not good at cooking, so I can't become a chef.
- → If I were/ was good at cooking, I could become a chef.
- **4.** They started building the bridge two years ago.
- → They have built the bridge for two years.
- **5.** He is a much slower speaker than my brother.
- → *He speaks* much more slowly than my brother (does).
- **6.** Sally could buy that house because she was rich.
- → Because of Sally's richness, she could buy that house.

-----HÉT-----

#### TRƯỜNG THCS THỤY VÂN

## HƯỚNG DẪN CHẨM ĐỀ THI THAM KHẢO VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2024 - 2025 Môn: TIẾNG ANH

Câu I. Chọn một phương án đúng A, B, C hoặc D ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại. (0,8 điểm)

1. C

2. B

3. A

4. D

Câu II. Chọn một phương án đúng A, B, C hoặc D ứng với từ hoặc cụm từ thích hợp để hoàn thành các câu sau. (3,2 điểm)

1. A	2. D	3. C	4. A	5. B	6. D	7. C	8. B
9. A	10. C	11. B	12. D	13. B	14. D	15. D	16. B

Câu III. Tìm một lỗi sai trong bốn phần gạch chân A, B, C hoặc D trong các câu sau. (0,8 điểm)

1. C 2. B

3. B 4. D

Câu IV. Viết dạng đúng của động từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau. (0,8 điểm)

1. Was walking

2. haven't seen/ have not seen

3. taking

4. to get

Câu V. Viết dạng đúng của từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau. (0,8 điểm)

1. applicants

2. urbanized

3. affordable

4. unfortunately

Câu VI. Chọn một phương án đúng A, B, C hoặc D để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau. (0,8 điểm)

1. B

2. A

3. D

4. C

Câu VII. Đọc đoạn văn sau và chọn câu trả lời đúng A, B, C hoặc D cho các câu hỏi bên dưới. (0,8 điểm)

1. C

2. A

3. C

4. D

Câu VIII. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi. (0,8 điểm)

- 1. Earth is the third closest planet to the Sun
- 2. The other names for Earth are the world, the Blue Planet, or the Blue Marble./the world, the Blue Planet, or the Blue Marble
- 3. Yes./ Yes, it is
- 4. Scientists are looking for other planets to accommodate our increasing population.

Câu IX. Hoàn thành câu thứ hai sao cho nghĩa không thay đổi so với câu đã cho. (1,2 điểm)

- 1. Her book was not seen at the party last night.
- 2. Linda asked Lucy If she got on with her new classmate.
- 3. If I were/ was good at cooking, I could become a chef.
- 4. They have built the bridge for two years.
- 5. He speaks much more slowly than my brother (does).
- 6. Because of Sally's richness, she could buy that house.

(Mỗi đáp án đúng được 0,2 điểm. Tổng toàn bài 50 câu x 0,2 = 10 điểm)

Nếu thí sinh có cách làm khác với đáp án đã cho mà đúng thì giám khảo thảo luận để thống nhất cho điểm.